SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ**
**HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

***MẪU SỐ 03***

# CÔNG KHAI
# ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Giám đốc trung tâm: Trần Minh Trí

| Trình độ | Căn cước |
|---|---|
| Cử nhân | 087089000744 |

Tổng số giáo viên người Việt Nam:02

| Trình độ | Cơ hữu (người) | Thỉnh giảng (người) |
|---|---|---|
| Cao Đẳng | | |
| Đại học | 02 | |
| Sau Đại học | | |

- Tổng số giáo viên người nước ngoài:Không có

| Trình độ | Số Giấy phép động | Thời hạn |
|---|---|---|
| Cao Đẳng | | |
| Đại học | | |
| Sau Đại học | | |

- Tổng số nhân viên: 02

| Trình độ | Cơ hữu (người) | Thời vụ (người) |
|---|---|---|
| Cao Đẳng | | |
| Đại học | 02 | |
| Sau Đại học | | |

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

- Tổng số phòng học ngoại ngữ: 03

| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng học sinh /phòng** | **Diện tích/Phòng** | **Vị trí (tầng)** |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phòng học 1 | 15 | 34 m2 | 1 |
| 2 | Phòng học 2 | 15 | 34 m2 | 2 |
| 3 | Phòng học 3 | 15 | 34 m2 | 3 |
| | | | | |

- Tổng số phòng học tin học: Không có

| STT | Tên phòng học | Diện tích | Số lượng máy tính | Vị trí tầng |
|---|---|---|---|---|
| 1. | | | | |
| 2. | | | | |
| 3. | | | | |

- Tổng số phòng chức năng: 03 phòng; trong đó:

| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Diện tích/ Phòng** | **Vị trí (tầng)** |
|---|---|---|---|---|

| STT | Tên phòng | Số lượng | Diện tích/ Phòng | Vị trí (tầng) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phòng thư viện | 01 | 25 m² | 1 |
| 2 | Phòng ghi danh | 01 | 30 m² | Trệt |
| 3 | Phòng giáo viên | 01 | 25 m2 | 4 |
| 4 | Phòng Giám đốc | Chung với phòng giáo viên | 25 m2 | 4 |

- Số lượng thiết bị dạy học hiện có:

| STT | Tên thiết bị, đồ dùng dạy học (được trang bị trong phòng học) | Số lượng |
|---|---|---|
| 11. | Bàn học sinh | 45 (Bàn liền ghế gấp gọn) |
| 12. | Ghế học sinh | 03 |
| 13. | Bảng | 03 |
| 14. | Máy tính | 0 |
| 15. | Máy chiếu | 03 |
| 16. | Tivi | 01 |
| 17. | Máy in màu | 02 |
| 18. | Máy in trắng đen | 06 |
| 19. | Máy lạnh | 10 |
| 20. | Ghế ngồi chờ | |

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục: Chưa có

3.1. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình

- Tên chương trình: Tiếng Anh bậc 1 đến bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Family & Friends 12345) và Tiếng Anh bậc 2 đến bậc 5 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Solutions Elementary (A2), Pre-Intermediate (B1), Intermediate (B1+), Upper-Intermediate (B2), Advanced (C1)

- Quốc gia cung cấp:

**Family and Friends** là bộ giáo trình tiếng Anh của **Oxford University Press (OUP)** – một nhà xuất bản của **Đại học Oxford, Vương quốc Anh**

**Solutions** cũng là bộ giáo trình tiếng Anh của **Oxford University Press (OUP) – Vương quốc Anh**

- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình: **Oxford University Press (OUP) – Nhà xuất bản Đại học Oxford** là **một bộ phận trực thuộc Đại học Oxford (University of Oxford), Vương quốc Anh**. OUP không phải là một nhà xuất bản thương mại độc lập thông thường; đây là đơn vị xuất bản của Đại học Oxford, với nhiệm vụ thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, học thuật và giáo dục thông qua việc xuất bản trên phạm vi toàn cầu.

3.2. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục:

3.3. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục:

Song ngữ Tiếng Anh và Tiếng Việt

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

**TRẦN MINH TRÍ**